TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ YÊN BÁI - TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26-8-2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI -TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tạ Thị Kim Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Băng, bà Đặng Hoa Xuân

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Hoàng Thùy Linh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 135/2022/TLST- HNGĐ ngày 08-7-2022 về tranh chấp: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27-7-2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12-8-2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quyết T, sinh năm: 198x

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Quỳnh C, sinh năm: 199x

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố NT, phường NC, thành phố YB, tỉnh YB

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29-6-2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Quyết T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Quỳnh C kết hôn ngày 09-3-2018, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường NC, thành phố YB, tỉnh YB trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân trong thời gian anh đi làm xa ở Hà Nội, chị C có mối quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, không còn quan tâm vun vén đến cuộc sống chung của gia đình. Mâu thuẫn này tuy đã được hai bên gia đình động viên, khuyên nhủ, bản thân anh chị cũng tìm cách khắc phục nhưng tình trạng

không cải thiện được. Anh và chị C đã sống ly thân từ cuối tháng 06 năm 2022 đến nay, không ai còn quan tâm đến cuộc sống riêng của ai nữa. Anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái giải quyết cho anh được ly hôn với chị C.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Quang M, sinh ngày 11-x-201x. Anh đề nghị được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu M và không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về điều kiện nuôi con: Hiện nay anh đang làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thẩm mỹ viện 188 Hà Nội Chi nhánh tại Yên Bái, chức vụ quản lý, thu nhập bình quân là 20.000.000 đồng /tháng, có nơi ở ổn định, đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc tốt nhất cho con. Ngoài ra, anh đang ở cùng với mẹ đẻ nên anh cũng nhận được sự hỗ trợ của mẹ anh trong việc chăm sóc cháu M. Còn chị C hiện nay không có công việc và thu nhập ổn định, ngoài con chung với anh là cháu Nguyễn Quang M, chị C còn đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Ngọc Thảo V là con riêng của chị C. Với điều kiện kinh tế hiện nay, chị C hoàn toàn không có đủ khả năng để nuôi dưỡng con chung là cháu M.

Về Chia tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh C trình bày:

Về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn như anh T đã trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối tháng 6 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị có mối quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Bản thân chị thừa nhận mình đã sai, đã tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng, gia đình hai bên cũng nhiều lần động viên, khuyên nhủ nhưng anh T không chấp nhận tha thứ. Quá trình giải quyết, chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng đến nay anh T vẫn cương quyết ly hôn thì chị cũng đồng ý.

Về con chung: Chị C xác nhận chị và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Quang M, sinh ngày 11-x-201x. Tại bản tự khai ngày 05-7-2022 và biên bản hòa giải ngày 25-7-2022, chị đề nghị giao cháu M cho anh T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và chị không cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, chị thay đổi ý kiến, đề nghị được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu M và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con số tiền là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Về điều kiện nuôi con: Hiện nay chị đang hoàn thiện các thủ tục đăng ký kinh doanh để mở cửa hàng tạp hóa, thu nhập dự kiến là khoảng hơn 20.000.000 đồng/tháng.

Về Chia tài sản chung, nợ chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; Bị đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh C có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố NT, phường NC, thành phố YB, tỉnh YB. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Quyết T và chị Nguyễn Thị Quỳnh C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường NC, thành phố YB, tỉnh YB ngày 09-3-2018 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết, các đương sự đều thừa nhận sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6-2022 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chị C có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác và đã sống ly thân từ cuối tháng 6-2022 đến nay. Anh T và chị C đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T, anh T được ly hôn chị C.

[3] Về con chung: Anh T và chị C có một con chung là cháu Nguyễn Quang M, sinh ngày 11-x-201x. Anh T đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M và không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con. Chị C đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con số tiền là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa, anh T đã giao nộp tài liệu, chứng cứ chứng M thu nhập để đảm bảo cho việc nuôi con của mình. Chị C trình bày sau khi kết hôn, chị làm việc tại công ty của gia đình anh T với mức thu nhập bình quân là 20.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, hiện nay chị C đã nghỉ việc tại công ty, đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục đăng ký kinh doanh để mở cửa hàng tạp hóa và không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng M thu thập.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung của anh T và chị C là phù hợp với quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con được

quy định trong Luật Hôn nhân và gia đình. Anh T và chị C đều có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con. Tuy nhiên, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải đảm bảo quyền lợi tốt nhất về mọi mặt cho con.

Về thu nhập, anh T hiện đang làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thẩm mỹ viện 188 Hà Nội Chi nhánh tại Yên Bái, công việc chính được giao là quản lý với thu nhập bình quân là 20.000.000 đồng/ tháng. Chị C hiện đang là lao động tự do, thu nhập có phần không ổn định so với anh T. Ngoài con chung là cháu Nguyễn Quang M, chị Nguyễn Thị Quỳnh C còn đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con riêng là cháu Nguyễn Ngọc Thảo V, sinh ngày 14-10-201x.

Từ những căn cứ và phân tích trên, xét về điều kiện kinh tế và hoàn cảnh sống thì anh T có điều kiện nuôi dưỡng con tốt hơn chị C. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con nên giao cháu Nguyễn Quang M cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh T không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về Ca tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Quyết T được ly hôn chị Nguyễn Thị Quỳnh C.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Quyết T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Quang M, sinh ngày 11-x-201x cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Chị Nguyễn Thị Quỳnh C không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Quyết T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0000305 ngày 08-7-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Anh T đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Quyết T, chị Nguyễn Thị Quỳnh C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TA tỉnh ;*
- *VKSND tp.Yên Bái;*
- *THADS tp. Yên Bái;*
- *Các đương sự;*
- *UBND p. NC, TP Yên Bái;*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Tạ Thị Kim Anh